| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 154/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Thi.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Lý Khắc Chung.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị La Thị Bé H , sinh năm 1987, địa chỉ cư trú: Tổ 28, ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C , tỉnh An Giang (có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường Đ, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Tổ 25, ấp Khánh Hòa, xã Khánh Hòa, huyện C , tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị La Thị Bé H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện C , tỉnh An Giang vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên uống rượu, không lo cho vợ con, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị H xin ly hôn với anh Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đ Nhi, sinh ngày 06/10/2010 và Nguyễn Trường An, sinh ngày 13/8/2016. Hiện hai cháu đang do chị Hiền chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với anh Nguyễn Trường Đ, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với anh Nguyễn Trường Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ để hòa giải nhằm ghi nhận ý kiến, giải thích pháp luật, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ vắng mặt, từ đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vợ chồng chị H và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân hơn 06 tháng. Chị H và anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nhưng anh Đ không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của một người chồng đã làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu giải quyết cho ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Chị H và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Đ Nhi, sinh ngày 06/10/2010 và Nguyễn Trường An, sinh ngày 13/8/2016. Cả hai cháu do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu. Cháu Nguyễn Đ Nhi có nguyện vọng được chung sống với chị H , cháu Nguyễn Trường An chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và tạo điều kiện ổn định cuộc sống, học tập cho các cháu đề nghị giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản sao chứng minh nhân dân tên La Thị Bé H , giấy khai sinh 02 con chung tên Nguyễn Đ Nhi và Nguyễn Trường An; bản chính giấy chứng nhận kết hôn. Biên bản xác minh tình trạng cư trú và tình trạng hôn nhân.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, không có yếu tố nước ngoài, bị đơn cư trú tại huyện C , tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Trường Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh Đ đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 122/2011 ngày 20/4/2011 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện C , tỉnh An Giang, phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Chị Hiền khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đ với lý do: Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh Đ thường xuyên không chăm lo cho vợ con, cuộc sống giữa chị H và anh Đ không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly hơn 06 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng thì việc anh Đ uống rượu và không chăm lo cho vợ con là có thật. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập anh Đ để hòa giải nhằm ghi nhận ý kiến, giải thích pháp luật và động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ vắng mặt, từ đó việc hòa giải đoàn tụ không thành; thể hiện anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn sống chung với nhau. Do đó, chị H và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Đ.

[2.2] Quan hệ con chung:

Chị H và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Đ Nhi, sinh ngày 06/10/2010 và Nguyễn Trường An, sinh ngày 13/8/2016. Kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cả hai cháu Đ Nhi và Trường An do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không cùng chị H trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho

các con chung. Cháu Nguyễn Đ Nhi có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị H ; con chung tên Nguyễn Trường An dưới 36 tháng tuổi.

Chị H hiện làm nghề mua bán, có thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện ổn định tinh thần, sinh sống và học tập cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai cháu Đ Nhi và Trường An cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phụ hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

[2.3] Cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0017613 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C .

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị La Thị Bé H được ly hôn với anh Nguyễn Trường Đ.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao 02 cháu tên Nguyễn Đ Nhi, sinh ngày 06/10/2010 và Nguyễn Trường An, sinh ngày 13/8/2016 cho chị La Thị Bé H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị La Thị Bé H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo

biên lai thu số: 0017613 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C .

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- UBND xã Khánh Hòa;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**ỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thu Thủy** **Lý Khắc Chung** **Lê Thị Hồng Thi**